

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2017
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Dũng
Bà Nguyễn Ngọc Cúc

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Văn Đô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tống Thị Thúy P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: tổ 16, ấp Điều Hòa, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Lâm Minh P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P có mặt, ông P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Tống Thị Thúy P trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Minh P kết hôn với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là Thị xã T), tỉnh Bình Dương vào ngày 15/7/1998, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/98.

Bà và ông P sống hạnh phúc đến tháng 9/2006 thì phát sinh mâu thuẫn do khi bà đi xuất cảnh lao động tại Đài Loan thì ở nhà ông P đưa người phụ nữ khác về nhà sinh sống và đuổi các con ra khỏi nhà. Đến tháng 9/2016, bà trở về nước thì ông P vẫn chung sống với người phụ nữ đó. Từ khi về nước thì bà về sống chung với các con tại tổ 16, ấp Điều Hòa, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nên bà xin ly hôn ông Lâm Minh P.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Lâm Thị Phương Y, sinh năm 1988 và Lâm Thị Kim T, sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2017, bị đơn ông Lâm Minh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Tống Thị Thúy P trình bày là đúng. Đến năm 2005, thì bà P xuất cảnh lao động và từ đó đến nay bà P không trở về nhà nữa, từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay P xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Lâm Thị Phương Y, sinh năm 1988 và Lâm Thị Kim T, sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông không có thời gian để đến Tòa giải quyết vụ án nên ông xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tống Thị Thúy P.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông P, bà P có 02 con chung là Lâm Thị Phương Y, sinh năm 1988 và Lâm Thị Kim T, sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Minh P có hộ khẩu thường trú tại ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 36 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Bị đơn ông Lâm Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Ông Lâm Minh P và bà Tống Thị Thúy P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương vào ngày 15/7/1998, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/98, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống đến năm 2005, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bà P đi xuất khẩu lao động dẫn đến vợ chồng không liên lạc, quan tâm, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2005 cho đến nay hai bên đã sống ly thân. Nay ông P và bà P cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh vào ngày 15/3/2017 thể hiện ông P hiện đang sinh sống như vợ chồng với người phụ nữ khác từ năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tống Thị Thúy P, giải quyết cho bà P được ly hôn với ông P là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông P, bà P có 02 con chung là Lâm Thị Phương Y, sinh năm 1988 và Lâm Thị Kim T, sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét;

[4] Về chia tài sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, 6, 7, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Tổng Thị Thúy P được ly hôn với ông Lâm Minh P.
 2. Về nuôi con chung: Vợ chồng ông P, bà P có 02 con chung là Lâm Thị Phương Y, sinh năm 1988 và Lâm Thị Kim T, sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.
 3. Về chia tài sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Tổng Thị Thúy P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009960 ngày 21/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng ông P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND H. V;
- Chi cục THADS H. V;
- UBND xã B, TX. T, tỉnh Bình Dương;
- Lưu (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Cúc

Nguyễn Trung Dũng

Trần Anh Đức